

Số: 10/KH-MNTT

STT	Họ và tên GV	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
	Thứ	CN	2	3	4	5	6	7	CN	2	3	4	5	6	7	CN	2	3	4	5	6	7	CN	2	3	4	5	6	7	CN	2	
1	Vũ Thị Lương			NT						3TA																						
2	Phạm Thị ly		4T	4T																												
3	Vũ Thị Phương Thảo									3TA																						
4	Vũ Thị mai				NTA	NTA	NTA			0	NTA	NTA	NTA	NTA			NTA	NTA	NTA	NTA	0				NTA	0	0	0	0			0
5	Đoàn Thị Hà				NTA	NTA	NTA			NTA	NTA	NTA	NTA	NTA			NTA	NTA	NTA	NTA	NTA				NTA	0	0	0	0			0
6	Vũ Thị Nhân		NT		0	0	0			0	0	0	0	0			0	0	0	0	0	0				NTA	NTA	NTA	NTA			NTA
7	Lê Thị Thê			NT(S)	0	0	0			0	0	0	0	0			0	0	0	0	0					NTA	NTA	NTA	NTA			NTA
8	Vũ Hải Hà		NT		3TA	3TA	3TA			0	3TA	3TA	3TA	3TA			3TA	3TA	3TA	3TA	3TA				3TA	0	0	0	0			
9	Phạm Thị Hòe		3T	3T	3TA	3TA	3TA			0	3TA	3TA	3TA	3TA			3TA	3TA	3TA	3TA	3TA				3TA	0	0	0	0			
10	Trần Thị Nguyệt			NT	0	0	0			NTA	0	0	0	0			0	0	0	0	0				0	3TA	3TA	3TA	3TA			3TA
11	Chu Thị Kim Ngân				0	0	0			0	0	0	0	0			0	0	0	0	0				0	3TA	3TA	3TA	3TA			3TA
12	Vũ Thị Thảo				4T	4T	4T			4T	4T	4T	4T	4T			4T	4T	4T	4T	4T				4T	0	0	0	0			0
13	Nguyễn Trà Ly			4T(c)	4T	4T	4T			0	4T	4T	4T	4T			4T	4T	4T	4T	4T				4T	4T	0	0	0			0
14	Lê Thị Hương		3T	3T	0	0	0			0	0	0	0	0			0	0	0	0	0				0	4T	4T	4T	4T			4T
15	Đỗ Thị Huê		4T(S)	0	0	0	0			4T	0	0	0	0			0	0	0	0	0				0	0	4T	4T	4T			4T
16	Bùi Thị Yến		4T(C)							0			0	0			0			0	0				0			0	0			0
										0	0	0		0			0	0	0		0				0	0	0		0			0
Trực trưa			Hương, hà cao, Ly	Nguyệt, Hương, Ly to	Mai, hà cao, Ly	Mai, hà cao, Ly	Hà bé, Hòe, Thảo			Hà , Lương, huệ	Mai, hà cao, Ly	Mai, Hòe, Thảo	Hà bé, Hòe, Thảo	Hà bé, Hòe, Thảo			Mai, hà cao, Ly	Mai, hà cao, Ly	Mai, hà cao, Ly	Hà bé, Hòe, Thảo	Hà bé, Hòe, Thảo				Hà bé, Hòe, Thảo	Nhấn, Nguyệt, Hương	Nhấn, Nguyệt, Hương	Thê, Ngân, Huệ	Thê, Ngân, Huệ			Nhấn, Nguyệt, Hương

Gia Tiến, ngày 28 tháng 5 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG





NGUYỄN THỊ HÀ

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]





























Cộng
14
14
5
5
14
14
5
5
14
14
5
5
14
14
5
5
0
0